

PHÒNG ĐÀO TẠO
Số: 459-22/LT-DSG-ĐT

LỊCH THI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2022 - 2023_ĐẠI HỌC - CAO ĐẲNG VÀ LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CÁC KHÓA
KHOA CƠ KHÍ

- ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC DỰ THI CỦA SINH VIÊN :
- Sinh viên phải đóng học phí đúng theo quy định của nhà trường.
 - Sinh viên không có tên trong danh sách cấm thi.
 - Sinh viên phải có mặt tại phòng thi trước giờ thi 15 phút để hoàn tất thủ tục dự thi cuối học kỳ.
 - Khi vào phòng thi, sinh viên phải xuất trình thẻ sinh viên hoặc giấy tờ tùy thân có dán ảnh.
 - Khi vào phòng thi, sinh viên không được sử dụng điện thoại di động và các thiết bị truyền tin.

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
1	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D20_CDTU01	30	Hai	26/12/2022	07 giờ 30	C601	DH_HK5 (22-23)
11	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D20_ROAI01	12	Hai	26/12/2022	07 giờ 30	C603	DH_HK5 (22-23)
59	ME03004	Máy điện	D21_CDT01	27	Hai	26/12/2022	09 giờ 30	C412	DH_HK3 (22-23)
60	ME03004	Máy điện	D21_CDT02	36	Hai	26/12/2022	09 giờ 30	C414	DH_HK3 (22-23)
61	ME03004	Máy điện	D17_CDT04	1	Hai	26/12/2022	09 giờ 30	C410	DH_HK3 (22-23)
62	ME03004	Máy điện	D18_CDT01	7	Hai	26/12/2022	09 giờ 30	C410	DH_HK3 (22-23)
63	ME03004	Máy điện	D18_CDT02	7	Hai	26/12/2022	09 giờ 30	C410	DH_HK3 (22-23)
64	ME03004	Máy điện	D18_CDT04	2	Hai	26/12/2022	09 giờ 30	C410	DH_HK3 (22-23)
65	ME03004	Máy điện	D19_CDT01	4	Hai	26/12/2022	09 giờ 30	C410	DH_HK3 (22-23)
66	ME03004	Máy điện	D19_CDT02	1	Hai	26/12/2022	09 giờ 30	C410	DH_HK3 (22-23)
67	ME03004	Máy điện	D20_CDTU01	8	Hai	26/12/2022	09 giờ 30	C412	DH_HK3 (22-23)
68	ME03004	Máy điện	D20_ROAI01	1	Hai	26/12/2022	09 giờ 30	C412	DH_HK3 (22-23)
94	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D18_CDT02	1	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C806	DH_HK3 (22-23)
103	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D19_CDT01	1	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C806	DH_HK3 (22-23)
146	ME03097	Các giải thuật trí tuệ nhân tạo	D20_ROAI01	12	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C708	DH_HK5 (22-23)
165	ME03070	Lập trình nhúng trong cơ điện tử	D20_CDTU01	30	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C708	DH_HK5 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
225	ME03006	Nhập môn công tác kỹ sư	D21_CDT01	26	Ba	27/12/2022	09 giờ 30	C412	DH_HK3 (22-23)
226	ME03006	Nhập môn công tác kỹ sư	D21_CDT02	35	Ba	27/12/2022	09 giờ 30	C414	DH_HK3 (22-23)
227	ME03006	Nhập môn công tác kỹ sư	D18_CDT01	5	Ba	27/12/2022	09 giờ 30	C412	DH_HK3 (22-23)
228	ME03006	Nhập môn công tác kỹ sư	D18_CDT02	4	Ba	27/12/2022	09 giờ 30	C412	DH_HK3 (22-23)
229	ME03006	Nhập môn công tác kỹ sư	D18_CDT03	1	Ba	27/12/2022	09 giờ 30	C412	DH_HK3 (22-23)
230	ME03006	Nhập môn công tác kỹ sư	D18_CDT04	1	Ba	27/12/2022	09 giờ 30	C412	DH_HK3 (22-23)
231	ME03006	Nhập môn công tác kỹ sư	D19_CDT01	2	Ba	27/12/2022	09 giờ 30	C412	DH_HK3 (22-23)
232	ME03006	Nhập môn công tác kỹ sư	D19_CDT02	1	Ba	27/12/2022	09 giờ 30	C412	DH_HK3 (22-23)
388	ME09006	Công nghệ thủy lực	D20_CDTU01	30	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C804	DH_HK5 (22-23)
389	ME09006	Công nghệ thủy lực	D20_ROAI01	13	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C804	DH_HK5 (22-23)
390	ME09006	Công nghệ thủy lực	D18_CDT01	2	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C804	DH_HK5 (22-23)
391	ME09006	Công nghệ thủy lực	D18_CDT02	1	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C804	DH_HK5 (22-23)
423	GS19003	Tiếng Anh 3	D21_CDT01	27	Tư	28/12/2022	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
424	GS19003	Tiếng Anh 3	D21_CDT02	35	Tư	28/12/2022	09 giờ 30	C603	DH_HK3 (22-23)
513	ME03035	Kỹ thuật điều khiển tự động	D19_CDT01	34	Năm	29/12/2022	07 giờ 30	C705	DH_HK7 (22-23)
514	ME03035	Kỹ thuật điều khiển tự động	D19_CDT02	28	Năm	29/12/2022	07 giờ 30	C705	DH_HK7 (22-23)
515	ME03035	Kỹ thuật điều khiển tự động	D18_CDT02	1	Năm	29/12/2022	07 giờ 30	C705	DH_HK7 (22-23)
551	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_CDT01	48	Năm	29/12/2022	09 giờ 30	C601	DH_HK1 (22-23)
552	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_CDT02	48	Năm	29/12/2022	09 giờ 30	C603	DH_HK1 (22-23)
564	GS19001	Tiếng Anh 1	D18_CDT02	1	Năm	29/12/2022	09 giờ 30	C704	DH_HK1 (22-23)
565	GS19001	Tiếng Anh 1	D18_CDT03	1	Năm	29/12/2022	09 giờ 30	C704	DH_HK1 (22-23)
570	GS19001	Tiếng Anh 1	D21_CDT02	1	Năm	29/12/2022	09 giờ 30	C704	DH_HK1 (22-23)
626	ME03096	Các bộ điều khiển cho robot	D20_ROAI01	13	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C803	DH_HK5 (22-23)
627	ME03069	Công nghệ servo trong cơ điện tử	D20_CDTU01	30	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C803	DH_HK5 (22-23)
720	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D21_CDT01	30	Sáu	30/12/2022	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
721	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D21_CDT02	36	Sáu	30/12/2022	09 giờ 30	C603	DH_HK3 (22-23)
737	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D19_CDT01	1	Sáu	30/12/2022	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
738	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D19_CDT02	1	Sáu	30/12/2022	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
742	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D20_CDTU01	2	Sáu	30/12/2022	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
824	ME03036	Mạng công nghiệp	D19_CDT01	34	Bảy	31/12/2022	07 giờ 30	C705	DH_HK7 (22-23)
825	ME03036	Mạng công nghiệp	D19_CDT02	28	Bảy	31/12/2022	07 giờ 30	C705	DH_HK7 (22-23)
826	ME03036	Mạng công nghiệp	D18_CDT01	1	Bảy	31/12/2022	07 giờ 30	C705	DH_HK7 (22-23)
835	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_CDT01	49	Bảy	31/12/2022	09 giờ 30	C601	DH_HK1 (22-23)
836	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_CDT02	48	Bảy	31/12/2022	09 giờ 30	C603	DH_HK1 (22-23)
847	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D18_CDT01	1	Bảy	31/12/2022	09 giờ 30	C704	DH_HK1 (22-23)
848	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D18_CDT02	1	Bảy	31/12/2022	09 giờ 30	C704	DH_HK1 (22-23)
849	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D18_CDT04	1	Bảy	31/12/2022	09 giờ 30	C704	DH_HK1 (22-23)
853	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D19_CDT02	2	Bảy	31/12/2022	09 giờ 30	C704	DH_HK1 (22-23)
979	ME03040	Tin học chuyên ngành (Solid Work/Cimatron/Pro E)	D19_CDT01	34	Ba	03/01/2023	07 giờ 30	C706	DH_HK7 (22-23)
980	ME03040	Tin học chuyên ngành (Solid Work/Cimatron/Pro E)	D19_CDT02	28	Ba	03/01/2023	07 giờ 30	C706	DH_HK7 (22-23)
981	GS43001	Vật lý 1	D22_CDT01	49	Ba	03/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK1 (22-23)
982	GS43001	Vật lý 1	D22_CDT02	48	Ba	03/01/2023	09 giờ 30	C603	DH_HK1 (22-23)
991	GS43001	Vật lý 1	D18_CDT02	1	Ba	03/01/2023	09 giờ 30	C608	DH_HK1 (22-23)
992	GS43001	Vật lý 1	D18_CDT04	1	Ba	03/01/2023	09 giờ 30	C608	DH_HK1 (22-23)
998	GS43001	Vật lý 1	D19_CDT01	2	Ba	03/01/2023	09 giờ 30	C608	DH_HK1 (22-23)
1078	ME03098	Cấu trúc robot	D20_ROAI01	13	Tư	04/01/2023	07 giờ 30	C510	DH_HK5 (22-23)
1108	ME09012	PLC	D20_CDTU01	30	Tư	04/01/2023	07 giờ 30	C510	DH_HK5 (22-23)
1109	ME09012	PLC	D18_CDT04	1	Tư	04/01/2023	07 giờ 30	C510	DH_HK5 (22-23)
1163	ME03016	Tiếng Anh chuyên ngành	D21_CDT01	27	Tư	04/01/2023	09 giờ 30	C701	DH_HK3 (22-23)
1164	ME03016	Tiếng Anh chuyên ngành	D21_CDT02	35	Tư	04/01/2023	09 giờ 30	C701	DH_HK3 (22-23)
1165	ME03016	Tiếng Anh chuyên ngành	D18_CDT01	1	Tư	04/01/2023	09 giờ 30	C701	DH_HK3 (22-23)
1166	ME03016	Tiếng Anh chuyên ngành	D18_CDT03	1	Tư	04/01/2023	09 giờ 30	C701	DH_HK3 (22-23)
1240	ME09015	Công nghệ CAD/CAM/CNC	D19_CDT01	34	Năm	05/01/2023	07 giờ 30	C606	DH_HK7 (22-23)
1241	ME09015	Công nghệ CAD/CAM/CNC	D19_CDT02	28	Năm	05/01/2023	07 giờ 30	C606	DH_HK7 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
1257	GS59001	Tin học đại cương	D22_CDT01	49	Năm	05/01/2023	09 giờ 30	C603	DH_HK1 (22-23)
1258	GS59001	Tin học đại cương	D22_CDT02	48	Năm	05/01/2023	09 giờ 30	C604	DH_HK1 (22-23)
1342	ME09015	Công nghệ CAD/CAM/CNC	D20_CDTU01	30	Sáu	06/01/2023	07 giờ 30	C803	DH_HK5 (22-23)
1343	ME03099	Công nghệ servo trong robot	D20_ROAI01	12	Sáu	06/01/2023	07 giờ 30	C803	DH_HK5 (22-23)
1378	ME03043	Phép biến đổi Laplace và MATLAB	D21_CDT01	29	Sáu	06/01/2023	09 giờ 30	C604	DH_HK3 (22-23)
1379	ME03043	Phép biến đổi Laplace và MATLAB	D21_CDT02	36	Sáu	06/01/2023	09 giờ 30	C604	DH_HK3 (22-23)
1474	ME09016	Công nghệ chế tạo máy	D19_CDT01	34	Bảy	07/01/2023	07 giờ 30	C705	DH_HK7 (22-23)
1475	ME09016	Công nghệ chế tạo máy	D19_CDT02	28	Bảy	07/01/2023	07 giờ 30	C705	DH_HK7 (22-23)
1487	ME03014	Môi trường công nghiệp và An toàn lao động	D22_CDT01	49	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C412	DH_HK1 (22-23)
1488	ME03014	Môi trường công nghiệp và An toàn lao động	D22_CDT02	48	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C414	DH_HK1 (22-23)
1596	ME03100	Lập trình giao diện với robot	D20_ROAI01	13	Hai	09/01/2023	07 giờ 30	C803	DH_HK5 (22-23)
1619	ME03053	Mạch điện tử tương tự	D21_CDT01	28	Hai	09/01/2023	09 giờ 30	C603	DH_HK3 (22-23)
1620	ME03053	Mạch điện tử tương tự	D21_CDT02	35	Hai	09/01/2023	09 giờ 30	C603	DH_HK3 (22-23)
1621	ME03053	Mạch điện tử tương tự	D20_CDTU01	2	Hai	09/01/2023	09 giờ 30	C603	DH_HK3 (22-23)
1622	ME03053	Mạch điện tử tương tự	D20_ROAI01	1	Hai	09/01/2023	09 giờ 30	C603	DH_HK3 (22-23)
1626	ME03001	Giải tích mạch điện	D17_CDT01	1	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C808	DH_NKH (22-23)
1627	ME03001	Giải tích mạch điện	D17_CDT03	1	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C808	DH_NKH (22-23)
1628	ME03001	Giải tích mạch điện	D17_CDT04	1	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C808	DH_NKH (22-23)
1629	ME03001	Giải tích mạch điện	D18_CDT01	3	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C808	DH_NKH (22-23)
1630	ME03001	Giải tích mạch điện	D18_CDT02	4	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C808	DH_NKH (22-23)
1631	ME03001	Giải tích mạch điện	D18_CDT04	3	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C808	DH_NKH (22-23)
1632	ME03001	Giải tích mạch điện	D19_CDT02	3	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C808	DH_NKH (22-23)
1698	ME03002	Điện tử 1	D18_CDT01	9	Hai	09/01/2023	15 giờ 30	C601	DH_NKH (22-23)
1699	ME03002	Điện tử 1	D18_CDT02	6	Hai	09/01/2023	15 giờ 30	C601	DH_NKH (22-23)
1713	ME03044	Công nghệ cơ khí	D22_CDT01	49	Ba	10/01/2023	09 giờ 30	C701	DH_HK1 (22-23)
1714	ME03044	Công nghệ cơ khí	D22_CDT02	48	Ba	10/01/2023	09 giờ 30	C703	DH_HK1 (22-23)
1715	ME03044	Công nghệ cơ khí	D21_CDT01	6	Ba	10/01/2023	09 giờ 30	C701	DH_HK1 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
1731	ME03003	Kỹ thuật đo lường cơ khí	D18_CDT01	2	Ba	10/01/2023	13 giờ 30	C601	DH_NKH (22-23)
1732	ME03003	Kỹ thuật đo lường cơ khí	D18_CDT02	1	Ba	10/01/2023	13 giờ 30	C601	DH_NKH (22-23)
1733	ME03003	Kỹ thuật đo lường cơ khí	D19_CDT01	7	Ba	10/01/2023	13 giờ 30	C601	DH_NKH (22-23)
1734	ME03007	Điện tử 2	D17_CDT02	1	Ba	10/01/2023	15 giờ 30	C803	DH_NKH (22-23)
1735	ME03007	Điện tử 2	D18_CDT01	9	Ba	10/01/2023	15 giờ 30	C803	DH_NKH (22-23)
1736	ME03007	Điện tử 2	D18_CDT02	3	Ba	10/01/2023	15 giờ 30	C803	DH_NKH (22-23)
1737	ME03007	Điện tử 2	D18_CDT03	1	Ba	10/01/2023	15 giờ 30	C803	DH_NKH (22-23)
1738	ME03007	Điện tử 2	D18_CDT04	1	Ba	10/01/2023	15 giờ 30	C803	DH_NKH (22-23)
1739	ME03007	Điện tử 2	D19_CDT01	22	Ba	10/01/2023	15 giờ 30	C803	DH_NKH (22-23)
1740	ME03007	Điện tử 2	D19_CDT02	4	Ba	10/01/2023	15 giờ 30	C803	DH_NKH (22-23)
1786	ME03054	Môi trường công nghiệp và An toàn lao động	D21_CDT01	30	Tư	11/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1787	ME03054	Môi trường công nghiệp và An toàn lao động	D21_CDT02	35	Tư	11/01/2023	09 giờ 30	C603	DH_HK3 (22-23)
1788	ME03054	Môi trường công nghiệp và An toàn lao động	D18_CDT01	2	Tư	11/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1789	ME03054	Môi trường công nghiệp và An toàn lao động	D18_CDT02	5	Tư	11/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1790	ME03054	Môi trường công nghiệp và An toàn lao động	D18_CDT03	2	Tư	11/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1791	ME03054	Môi trường công nghiệp và An toàn lao động	D18_CDT04	1	Tư	11/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1792	ME03054	Môi trường công nghiệp và An toàn lao động	D19_CDT01	1	Tư	11/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1793	ME03013	Kỹ thuật số	D18_CDT02	1	Tư	11/01/2023	13 giờ 30	C301	DH_NKH (22-23)
1794	ME03017	Vi xử lý và vi điều khiển	D18_CDT01	4	Tư	11/01/2023	13 giờ 30	C301	DH_NKH (22-23)
1795	ME03017	Vi xử lý và vi điều khiển	D18_CDT02	6	Tư	11/01/2023	13 giờ 30	C301	DH_NKH (22-23)
1796	ME03017	Vi xử lý và vi điều khiển	D19_CDT01	5	Tư	11/01/2023	13 giờ 30	C301	DH_NKH (22-23)
1797	ME03017	Vi xử lý và vi điều khiển	D19_CDT02	2	Tư	11/01/2023	13 giờ 30	C301	DH_NKH (22-23)
1798	ME03019	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	D19_CDT01	8	Tư	11/01/2023	15 giờ 30	C301	DH_NKH (22-23)
1799	ME03019	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	D19_CDT02	4	Tư	11/01/2023	15 giờ 30	C301	DH_NKH (22-23)
1800	ME03020	Đo lường công nghiệp	D18_CDT01	1	Tư	11/01/2023	15 giờ 30	C301	DH_NKH (22-23)
1801	ME03020	Đo lường công nghiệp	D18_CDT04	2	Tư	11/01/2023	15 giờ 30	C301	DH_NKH (22-23)
1808	GS09011	KHXHNV_Đại cương văn hóa Việt Nam	D19_CDT01	2	Năm	12/01/2023	07 giờ 30	C703	DH_HK7 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
1809	GS09011	KHXHNV_Đại cương văn hóa Việt Nam	D19_CDT02	7	Năm	12/01/2023	07 giờ 30	C703	DH_HK7 (22-23)
1819	GS09011	KHXHNV_Đại cương văn hóa Việt Nam	D18_CDT01	1	Năm	12/01/2023	07 giờ 30	C703	DH_HK7 (22-23)
1860	ME09003	Cơ ứng dụng 2	D18_CDT01	1	Năm	12/01/2023	13 giờ 30	C301	DH_NKH (22-23)
1861	ME09003	Cơ ứng dụng 2	D19_CDT01	4	Năm	12/01/2023	13 giờ 30	C301	DH_NKH (22-23)
1862	ME09003	Cơ ứng dụng 2	D19_CDT02	2	Năm	12/01/2023	13 giờ 30	C301	DH_NKH (22-23)
1863	ME09004	Truyền động cơ khí	D18_CDT02	2	Năm	12/01/2023	15 giờ 30	C301	DH_NKH (22-23)
1864	ME09004	Truyền động cơ khí	D18_CDT04	4	Năm	12/01/2023	15 giờ 30	C301	DH_NKH (22-23)
1865	ME09004	Truyền động cơ khí	D19_CDT01	8	Năm	12/01/2023	15 giờ 30	C301	DH_NKH (22-23)
1866	ME09004	Truyền động cơ khí	D19_CDT02	2	Năm	12/01/2023	15 giờ 30	C301	DH_NKH (22-23)
1867	ME03055	Nguyên lý máy và robot	D21_CDT01	31	Sáu	13/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1868	ME03055	Nguyên lý máy và robot	D21_CDT02	36	Sáu	13/01/2023	09 giờ 30	C603	DH_HK3 (22-23)
1869	ME09009	Điện tử công suất	D17_CDT01	1	Sáu	13/01/2023	13 giờ 30	C301	DH_NKH (22-23)
1870	ME09009	Điện tử công suất	D18_CDT01	5	Sáu	13/01/2023	13 giờ 30	C301	DH_NKH (22-23)
1871	ME09009	Điện tử công suất	D18_CDT02	8	Sáu	13/01/2023	13 giờ 30	C301	DH_NKH (22-23)
1872	ME09009	Điện tử công suất	D18_CDT03	1	Sáu	13/01/2023	13 giờ 30	C301	DH_NKH (22-23)
1873	ME09005	Vật liệu và xử lý	D19_CDT02	1	Sáu	13/01/2023	13 giờ 30	C301	DH_NKH (22-23)
1890	ME03009	Cung cấp điện	[01.00]_D18_CDT01	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
1891	ME03009	Cung cấp điện	[01.00]_D18_CDT02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
1892	ME03009	Cung cấp điện	[01.00]_D19_CDT01	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
2056	ME03027	Đồ án Công nghệ chế tạo máy	[01.00]_D19_CDT01	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2057	ME03027	Đồ án Công nghệ chế tạo máy	[01.00]_D19_CDT02	11	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2058	ME03027	Đồ án Công nghệ chế tạo máy	[02.00]_D19_CDT01	19	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2059	ME03027	Đồ án Công nghệ chế tạo máy	[02.00]_D19_CDT02	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2060	ME03027	Đồ án Công nghệ chế tạo máy	[02.00]_D18_CDT01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2061	ME03027	Đồ án Công nghệ chế tạo máy	[03.00]_D19_CDT01	12	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2062	ME03027	Đồ án Công nghệ chế tạo máy	[03.00]_D18_CDT01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2063	ME03027	Đồ án Công nghệ chế tạo máy	[04.00]_D19_CDT02	14	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
2324	ME03012	Đồ án Truyền động cơ khí	[01.00]_D20_CDTU01	13	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2325	ME03012	Đồ án Truyền động cơ khí	[02.00]_D18_CDT02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2326	ME03012	Đồ án Truyền động cơ khí	[02.00]_D18_CDT03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2327	ME03012	Đồ án Truyền động cơ khí	[02.00]_D19_CDT01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2328	ME03012	Đồ án Truyền động cơ khí	[02.00]_D19_CDT02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2329	ME03012	Đồ án Truyền động cơ khí	[03.00]_D20_CDTU01	12	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2330	ME03012	Đồ án Truyền động cơ khí	[04.00]_D20_CDTU01	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2331	ME03012	Đồ án Truyền động cơ khí	[04.00]_D18_CDT02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2332	ME03012	Đồ án Truyền động cơ khí	[04.00]_D19_CDT01	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2333	ME03012	Đồ án Truyền động cơ khí	[05.00]_D20_ROAI01	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2334	ME03012	Đồ án Truyền động cơ khí	[06.00]_D20_ROAI01	8	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2353	GS99001	Giáo dục thể chất 1	[01.00]_D19_CDT01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
2379	GS99002	Giáo dục thể chất 2	[01.00]_D19_CDT01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
2407	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[01.00]_D21_CDT01	27	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2409	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[02.00]_D21_CDT02	36	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2549	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[01.00]_D21_CDT01	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2550	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[01.00]_D19_CDT02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2552	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[02.00]_D21_CDT02	36	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2726	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[01.00]_D19_CDT01	32	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2727	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[01.00]_D19_CDT02	22	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2771	ME09010	Kỹ thuật nhiệt	[01.00]_D18_CDT04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
2997	ME03031	Thí nghiệm Cơ điện tử	[01.00]_D19_CDT01	10	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2998	ME03031	Thí nghiệm Cơ điện tử	[02.00]_D19_CDT01	15	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2999	ME03031	Thí nghiệm Cơ điện tử	[03.00]_D19_CDT01	7	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3000	ME03031	Thí nghiệm Cơ điện tử	[03.00]_D19_CDT02	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3001	ME03031	Thí nghiệm Cơ điện tử	[04.00]_D19_CDT01	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3002	ME03031	Thí nghiệm Cơ điện tử	[04.00]_D19_CDT02	12	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3003	ME03031	Thí nghiệm Cơ điện tử	[05.00]_D19_CDT02	14	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3004	ME09013	Thí nghiệm Công nghệ khí nén	[01.00]_D20_CDTU01	8	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3005	ME09013	Thí nghiệm Công nghệ khí nén	[02.00]_D20_CDTU01	9	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3006	ME09013	Thí nghiệm Công nghệ khí nén	[02.00]_D20_ROAI01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3007	ME09013	Thí nghiệm Công nghệ khí nén	[03.00]_D20_CDTU01	13	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3008	ME09013	Thí nghiệm Công nghệ khí nén	[04.00]_D20_ROAI01	12	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3026	ME03008	Thí nghiệm Kỹ thuật đo lường cơ khí	[01.00]_D19_CDT01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
3029	ME03021	Thí nghiệm Kỹ thuật số	[01.00]_D19_CDT01	8	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
3056	ME09007	Thí nghiệm Truyền động cơ khí	[01.00]_D18_CDT01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
3057	ME03018	Thí nghiệm Truyền động điện	[01.00]_D19_CDT01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
3072	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[01.00]_D22_CDT01	25	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3073	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[01.00]_D19_CDT01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3074	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[02.00]_D22_CDT01	24	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3077	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[03.00]_D22_CDT02	22	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3078	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[04.00]_D22_CDT02	26	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3090	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[11.00]_D21_CDT01	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3145	TAM_CD_01	Thực hành CNC 1	[01.00]_D20_CDTU01	9	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3146	TAM_CD_01	Thực hành CNC 1	[01.00]_D18_CDT01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3147	TAM_CD_01	Thực hành CNC 1	[02.00]_D20_CDTU01	9	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3148	TAM_CD_01	Thực hành CNC 1	[02.00]_D18_CDT01	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3149	TAM_CD_01	Thực hành CNC 1	[03.00]_D20_CDTU01	12	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3150	TAM_CD_01	Thực hành CNC 1	[03.00]_D18_CDT01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3157	ME03045	Thực hành Công nghệ cơ khí 1	[01.00]_D22_CDT01	25	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3158	ME03045	Thực hành Công nghệ cơ khí 1	[02.00]_D22_CDT01	24	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3159	ME03045	Thực hành Công nghệ cơ khí 1	[03.00]_D22_CDT02	22	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3160	ME03045	Thực hành Công nghệ cơ khí 1	[03.00]_D21_CDT01	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3161	ME03045	Thực hành Công nghệ cơ khí 1	[04.00]_D22_CDT02	26	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3178	ME03063	Thực hành Kết cấu cơ khí	[01.00]_D20_CDTU01	18	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3179	ME03063	Thực hành Kết cấu cơ khí	[02.00]_D20_CDTU01	12	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3180	ME03063	Thực hành Kết cấu cơ khí	[02.00]_D20_ROAI01	12	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3675	ME03064	Thực hành Mạch điện tử số	[01.00]_D20_CDTU01	8	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3676	ME03064	Thực hành Mạch điện tử số	[02.00]_D20_CDTU01	10	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3677	ME03064	Thực hành Mạch điện tử số	[02.00]_D20_ROAI01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3678	ME03064	Thực hành Mạch điện tử số	[03.00]_D20_CDTU01	11	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3679	ME03064	Thực hành Mạch điện tử số	[04.00]_D20_CDTU01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3680	ME03064	Thực hành Mạch điện tử số	[04.00]_D20_ROAI01	12	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
4114	ME03052	Thực hành Sức bền vật liệu - Ansys	[01.00]_D21_CDT01	22	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4115	ME03052	Thực hành Sức bền vật liệu - Ansys	[02.00]_D21_CDT01	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4116	ME03052	Thực hành Sức bền vật liệu - Ansys	[02.00]_D21_CDT02	16	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4117	ME03052	Thực hành Sức bền vật liệu - Ansys	[02.00]_D17_CDT02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4118	ME03052	Thực hành Sức bền vật liệu - Ansys	[03.00]_D21_CDT02	20	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4121	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[01.00]_D22_CDT01	25	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4125	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[02.00]_D22_CDT01	24	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4126	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[03.00]_D22_CDT02	22	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4127	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[04.00]_D22_CDT02	26	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4177	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[41.00]_D21_CDT02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4188	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[45.00]_D19_CDT01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4194	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[46.00]_D19_CDT01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4320	ME03048	Thực hành Vẽ kỹ thuật	[01.00]_D21_CDT01	24	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4321	ME03048	Thực hành Vẽ kỹ thuật	[02.00]_D21_CDT01	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4322	ME03048	Thực hành Vẽ kỹ thuật	[02.00]_D21_CDT02	16	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4323	ME03048	Thực hành Vẽ kỹ thuật	[03.00]_D21_CDT02	20	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4344	ME03005	Thực tập Điện - Điện tử	[01.00]_D18_CDT04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
4489	ME03010	Truyền động điện	[01.00]_D18_CDT02	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
4490	ME03010	Truyền động điện	[01.00]_D19_CDT01	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
4507	ME03047	Vẽ kỹ thuật	[01.00]_D21_CDT01	7	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
4508	ME03047	Vẽ kỹ thuật	[01.00]_D21_CDT02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
4510	ME09001	Vẽ kỹ thuật (CDT)	[01.00]_D18_CDT01	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
4511	ME09001	Vẽ kỹ thuật (CDT)	[01.00]_D18_CDT02	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
4512	ME09001	Vẽ kỹ thuật (CDT)	[01.00]_D18_CDT04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)